

DANH SÁCH LƯƠNG TĂNG THÊM THÁNG 6 NĂM 2019
Cán bộ Hợp đồng dài hạn

TT	ID	Họ tên	Mã ngạch	HS CD	Cộng HSC D	XL	Tăng thêm	Số tài khoản	Đơn vị	Ghi chú
1	2538	Bùi Tuấn An	01003	4,0		B	1 500 000	51010001175935	Ban quản lý cơ sở II	
2	2179	Nguyễn Phi Chiến	01003	4,0		B	1 500 000	51010000497140	Ban quản lý cơ sở II	
3	1931	Đinh Bạt Dũng	06031	4,0		B	1 500 000	51010000195912	Ban quản lý cơ sở II	
4	1919	Nguyễn Tiến Dũng	13096	3,5		B	1 500 000	51010000195602	Ban quản lý cơ sở II	
5	2441	Bùi Trọng Dương	16119	3,5		B	1 500 000	51010000858826	Ban quản lý cơ sở II	
6	1163	Hoàng Thị Hằng	01003	4,0		KXI	750 000	51010000229972	Ban quản lý cơ sở II	Thai sản
7	2098	Võ Thị Hải Huyền	01003	4,0		B	1 500 000	51010000467611	Ban quản lý cơ sở II	
8	1383	Đặng Thị Ngọc	13096	3,5		B	1 500 000	51010000195408	Ban quản lý cơ sở II	
9	2038	Nguyễn Đức Thông	01007	3,5		B	1 500 000	51010000330388	Ban quản lý cơ sở II	
10	2095	Phan Hữu Tiếp	01003	4,0		A	1 800 000	51010000465624	Ban quản lý cơ sở II	
11	1865	Lê Đình Trí	13096	3,5		B	1 500 000	51010000306866	Ban quản lý cơ sở II	
12	1379	Trần Hữu Trí	01004	4,5		A	1 800 000	51010000196182	Ban quản lý cơ sở II	
13	2048	Lê Công Việt	13096	3,5		B	1 500 000	51010000304851	Ban quản lý cơ sở II	
14	1606	Trịnh Thị Thanh	01003	4,0		B	1 500 000	51010000226478	Nhà Xuất bản	
15	2511	Phan Quốc Trường	13096	3,5		A	1 800 000	51010000964796	Nhà Xuất bản	
16	2508	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	01003	4,0		B	1 500 000	51010000956289	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	
17	2467	Nguyễn Trung Kiên	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000819063	Khoa Giáo dục	
18	2534	Nguyễn Thị Kỳ	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001128753	Khoa Giáo dục	
19	2385	Trần Hằng Ly	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000710120	Khoa Giáo dục	
20	1198	Nguyễn Thị Loan	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000304417	Khoa Giáo dục thể chất	Đi NN
21	2516	Lê Thị Như Quỳnh	V.07.01.03	4,0		A	1 800 000	51010001061654	Khoa Giáo dục thể chất	
22	2482	Nguyễn Mai Hường	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000833124	Khoa Kinh tế	
23	2509	Trần Thị Hồng Lam	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000955514	Khoa Kinh tế	
24	2557	TRẦN Diệu Linh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001259033	Khoa Kinh tế	
25	2490	Phan Thủy Thảo	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000883934	Khoa Kinh tế	
26	2553	Nguyễn Thị Yến	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51810000507276	Khoa Kinh tế	
27	1313	Lê Thị Hoài Ân	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000198443	Khoa Luật	
28	2481	Hồ Trọng Hữu	V.07.01.03	5,0		A	1 800 000	51010000833115	Khoa Luật	
29	2395	Lê Thị Lý	01003	4,0	0,2	B	1 600 000	51010000714742	Khoa Luật	
30	2552	Nguyễn Thị Hồng Nhật	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51810000050309	Khoa Luật	
31	2543	Bùi Hạnh Phúc	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001178387	Khoa Luật	
32	2544	Đoàn Minh Trang	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001181640	Khoa Luật	
33	2496	Nguyễn Văn Anh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000938816	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
34	2484	Dương Đức Ánh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000860797	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
35	2267	Lê Thị Thanh Bình	V.07.01.03	4,0		A	1 800 000	51010000514669	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
36	2442	Nguyễn Thị Tô Hằng	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000568231	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
37	2528	Lê Diệu Linh	V.07.01.03	4,0		KXI		26010000606865	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Đi NN
38	2546	Phan Thị Đào Quyên	01003	4,0		B	1 500 000	51010001196875	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
39	2448	Trần Thị Thu Trang	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000858765	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
40	2531	Lê Hữu Thành Trung	V.07.01.03	4,0		KXI		51010001131089	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	Đi NN
41	2371	Lê Hùng Việt	01003	4,0		B	1 500 000	51010000682788	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	
42	1165	Đoàn Quang Dũng	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000306398	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
43	1162	Lê Duy Hiếu	V.07.01.03	5,5		B	1 750 000	51010000230309	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
44	2386	Trần Văn Long	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000710245	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
45	2547	Lưu Văn Mạnh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001190840	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
46	1166	Nguyễn Đình Phi	V.07.01.03	5,0		B	1 500 000	51010000234709	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
47	1164	Nguyễn Thế Tiến	V.07.01.03	5,0		B	1 500 000	51010000306477	Khoa Trung tâm GDQPAN Vinh	
48	2327	Võ Trọng Cường	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000545517	Khoa Xây dựng	
49	2480	Đinh Văn Dũng	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51510000058764	Khoa Xây dựng	
50	2367	Nguyễn Thị Thu Hằng	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000187742	Khoa Xây dựng	
51	2366	Cao Thị Hào	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000156672	Khoa Xây dựng	
52	2468	Nguyễn Thị Thu Hiền	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000826957	Khoa Xây dựng	
53	2532	Nguyễn Xuân Hiệu	V.07.01.03	4,0		A	1 800 000	51010001127282	Khoa Xây dựng	
54	1589	Nguyễn Văn Hoà	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000235809	Khoa Xây dựng	Đi NN
55	1590	Nguyễn Tiến Hồng	V.07.01.03	4,0		A	1 800 000	51010000235793	Khoa Xây dựng	
56	2475	Nguyễn Mạnh Hùng	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51110000087487	Khoa Xây dựng	
57	2453	Doãn Thị Thùy Hương	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000121412	Khoa Xây dựng	
58	1597	Trần Việt Linh	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000307823	Khoa Xây dựng	Đi NN
59	2032	Phạm Ngọc Minh	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000393859	Khoa Xây dựng	Đi NN

TT	ID	Họ tên	Mã ngạch	HS CD	Cộng HSC D	XL	Tăng thêm	Số tài khoản	Đơn vị	Ghi chú
60	1596	Phan Văn Phúc	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000308039	Khoa Xây dựng	Đi NN
61	2368	Phan Đình Quốc	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000052895	Khoa Xây dựng	Đi NN
62	1586	Phan Huy Thiện	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000016730	Khoa Xây dựng	Đi NN
63	2529	Phan Xuân Thục	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000319581	Khoa Xây dựng	
64	1591	Nguyễn Thị Diệu Thuý	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000269808	Khoa Xây dựng	
65	1029	Lê Trần Nam	01003	4,0		B	1 500 000	51010000306617	Phòng Công tác Chính trị và HS-SV	
66	2040	Nguyễn Hữu Đường	01005	3,5		B	1 500 000	51010000390805	Phòng Hành chính Tổng hợp	
67	1625	Nguyễn Mạnh Hùng	01011	3,5		B	1 500 000	51010000198850	Phòng Hành chính Tổng hợp	
68	1886	Lê Đức Thắng	01007	3,5		B	1 500 000	51010000196827	Phòng Hành chính Tổng hợp	
69	2478	Lê Thanh Trung	01010	3,5		B	1 500 000	51010000199242	Phòng Hành chính Tổng hợp	
70	2461	Lê Thị Hải Yến	01003	4,0		B	1 500 000	51010000804360	Phòng Hành chính Tổng hợp	
71	2550	Lê Tuấn Dũng	01003	4,0		B	1 500 000	51010001226064	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	
72	2539	Nguyễn Thị Minh Ngọc	01003	4,0		B	1 500 000	51010000228988	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	
73	1710	Hoàng Ngọc Dũng	01007	3,5		A	1 800 000	51010000189386	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
74	1691	Lê Văn hải	01007	3,5		B	1 500 000	51010000188958	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
75	2210	Phan Thị Thu Hiền	01003	4,0		B	1 500 000	51010000503737	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
76	1703	Nguyễn Thị Như Hoa	13096	3,5		B	1 500 000	51010000189447	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
77	1709	Vũ Mạnh Hùng	13096	3,5		B	1 500 000	51010000223558	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
78	2042	Phan Sỹ Mỹ	01003	4,0		B	1 500 000	51010000381216	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
79	2212	Trần Hoài Nam	13096	3,5		B	1 500 000	51010000513602	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
80	1628	Âu Chiến Thắng	01011	3,5		B	1 500 000	51010000198911	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
81	1701	Nguyễn Đình Thắng	01007	3,5		B	1 500 000	51010000189438	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
82	2514	Nguyễn Viêt Thanh	01007	3,5		B	1 500 000	51010001002246	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
83	1702	Đặng Thị Trúc	13096	3,5		B	1 500 000	51010000023323	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
84	2041	Trần Anh Tuấn	01011	3,5		B	1 500 000	51010000198975	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
85	2043	Lê Thanh Tùng	13096	3,5		B	1 500 000	51010000387959	Phòng Quản Trị và Đầu tư	
86	2178	Hà Minh Hải	13096	3,5		B	1 500 000	51010000496943	Trung tâm Công nghệ thông tin	
87	2274	Hồ Thị Dung	01003	4,0		B	1 500 000	51010000522130	Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ sinh viên	
88	2551	Trần Văn Phúc	01003	4,0		B	1 500 000	51010000262223	Trung tâm Dịch vụ, hỗ trợ sinh viên	
89	2460	Phùng Quang Dương	01003	4,0		B	1 500 000	51010000796227	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	
90	2047	Nguyễn Văn Quỳnh	01003	4,0		B	1 500 000	51010000384358	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên	
91	1856	Trần Thị Thu Chung	13096	3,5		A	1 800 000	51010000194733	Trung tâm Nội trú	
92	1626	Võ Quang Cường	01003	4,0		A	1 800 000	51010000199011	Trung tâm Nội trú	
93	2049	Tô Thị Thanh Hương	01003	4,0		B	1 500 000	51010000382097	Trung tâm Nội trú	
94	2452	Lê Như Lai	01003	4,0		B	1 500 000	51010000748103	Trung tâm Nội trú	
95	2454	Đinh Nho Lâm	01003	4,0		B	1 500 000	51010000858844	Trung tâm Nội trú	
96	2541	Bùi Thị Liên	01003	4,0		B	1 500 000	51010001173531	Trung tâm Nội trú	
97	1866	Nguyễn Thị Mai	01003	4,0		B	1 500 000	51010000225758	Trung tâm Nội trú	
98	2332	Nguyễn Vinh Quang	01003	4,0		B	1 500 000	51010000569517	Trung tâm Nội trú	
99	2458	Phan Thị Thủy	01003	4,0		B	1 500 000	51010000782837	Trung tâm Nội trú	
100	2457	Nguyễn Thị Bích Thủy	01003	4,0		B	1 500 000	51010000517437	Trung tâm Nội trú	
101	2050	Hà Thị Minh Trang	01003	4,0		B	1 500 000	51010000369221	Trung tâm Nội trú	
102	2455	Đinh Thị Quỳnh Mai	01003	4,0		A	1 800 000	51010000782819	Trung tâm Thông tin - Thư viện	
103	2340	Hồ Thị Oanh	01003	4,0		B	1 500 000	51010000299416	Trung tâm Thông tin - Thư viện	
104	1897	Lê Thị Xuân	01003	4,0		B	1 500 000	51010000299407	Trung tâm Thông tin - Thư viện	
105	2030	Nguyễn Đình Anh	13096	3,5		B	1 500 000	51010000392157	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	
106	2518	Phạm Thị Chi	13096	3,5		A	1 800 000	51810000342990	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	
107	2476	Nguyễn Thị Nguyệt	13096	3,5		B	1 500 000	51010000823596	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	
108	2360	Đậu Trọng Tuấn Anh	V.07.04.11	4,0		B	1 125 000	51010000646331	Trường Thực hành sư phạm	
109	2559	Nguyễn Tân Cảnh	13096	3,5		B	1 125 000	51510000033585	Trường Thực hành sư phạm	
110	1736	Đinh Thị Dung	06032	3,5		B	1 125 000	51010000255834	Trường Thực hành sư phạm	
111	2463	Nguyễn Lê Gia	V.07.04.11	4,0		B	1 125 000	51010000818440	Trường Thực hành sư phạm	
112	1623	Bùi Thị Thanh Hà	01011	3,5		B	1 125 000	51010000198878	Trường Thực hành sư phạm	
113	2554	Nguyễn Thị Thu Hà	V.07.03.07	4,0		B	1 125 000	51010001227933	Trường Thực hành sư phạm	
114	1745	Đinh Thị Hằng	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000230239	Trường Thực hành sư phạm	
115	1748	Trương Thị Hiền	V.07.02.04	4,0		A	1 350 000	51010000228216	Trường Thực hành sư phạm	
116	1739	Nguyễn Thị Hoà	V.07.02.04	4,0		A	1 350 000	51010000238394	Trường Thực hành sư phạm	
117	2571	Nguyễn Thị Hồng	V.07.02.04			B		51010001433341	Trường Thực hành sư phạm	
118	1742	Nguyễn Thị Hường	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000228997	Trường Thực hành sư phạm	
119	1914	Lê Công Kiểm	01011	3,5		KXI		51010000194441	Trường Thực hành sư phạm	
120	2449	Nguyễn Thị Thùy Linh	16119	3,5		B	1 125 000	51010000736001	Trường Thực hành sư phạm	
121	1738	Phạm Thị Nguyệt Minh	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000228270	Trường Thực hành sư phạm	
122	2545	Trần Thị Hồng Minh	V.07.04.11	4,0		B	1 125 000	51010001183798	Trường Thực hành sư phạm	
123	2555	Lê Na	V.07.03.07	4,0		A	1 350 000	51010000065194	Trường Thực hành sư phạm	
124	1740	Hà Thị Quỳnh Ngân	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000858783	Trường Thực hành sư phạm	

TT	ID	Họ tên	Mã ngành	HS CD	Cộng HSC D	XL	Tăng thêm	Số tài khoản	Đơn vị	Ghi chú
125	2502	Phan Thị Nhân	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000947353	Trường Thực hành sư phạm	
126	2477	Nguyễn Thị Hà Phương	V.07.04.11	4,0		B	1 125 000	51010000858817	Trường Thực hành sư phạm	
127	2503	Nguyễn Thị Tâm	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000947317	Trường Thực hành sư phạm	
128	2506	Đặng Thị Phương Thảo	V.07.03.07	4,0		B	1 125 000	51010000965160	Trường Thực hành sư phạm	
129	2037	Nguyễn Duy Thìn	01011	3,5		B	1 125 000	51010000331105	Trường Thực hành sư phạm	
130	2507	Ngô Thị Thương	V.07.02.04	4,0		A	1 350 000	51010000949623	Trường Thực hành sư phạm	
131	2052	Văn Đình Tiến	V.07.04.11	4,0		A	1 350 000	51010000372867	Trường Thực hành sư phạm	
132	2486	Nguyễn Thị Thanh Trà	06031	4,0		A	1 350 000	51010000650077	Trường Thực hành sư phạm	
133	2520	Biện Thị Quỳnh Trang	V.07.04.11	4,0		B	1 125 000	50210000039835	Trường Thực hành sư phạm	
134	2522	Lê Minh Trang	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010001106917	Trường Thực hành sư phạm	
135	2526	Lê Thị Tuyết Vinh	V.07.03.07	4,0		B	1 125 000	51010000650855	Trường Thực hành sư phạm	
136	2499	Nguyễn Thị Linh Xuân	V.07.02.04	4,0		B	1 125 000	51010000947335	Trường Thực hành sư phạm	
137	2374	Trần Thị Quỳnh Yên	01003	4,0		B	1 125 000	51010000692893	Trường Thực hành sư phạm	
138	2379	Hứa Thị Hải Yến	V.07.03.09	4,0		B	1 125 000	51010000713332	Trường Thực hành sư phạm	
139	2515	Nguyễn Thị Hà Giang	13096	3,5		B	1 125 000	51010001002291	Trường Trung học Phổ thông Chuyên	
140	2527	Đặng Việt Hà	V.07.05.15	4,0		B	1 125 000	51010001110103	Trường Trung học Phổ thông Chuyên	
141	2533	Đặng Đình Hùng	V.07.05.15	4,0		B	1 125 000	51210000438897	Trường Trung học Phổ thông Chuyên	
142	2560	Lê Thị Hà	01003	4,0		B	1 500 000	51010001386296	Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường	
143	1454	Đinh Thị Kim Hào	V.07.01.03	6,0		KXI		51010000197529	Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường	Đi NN
144	2464	Lê Thị Thu Hiền	V.07.01.03	4,0		KXI		51010000823505	Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	
145	2495	Dương Thị Mai Hoa	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000884821	Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	
146	2485	Phan Thị Nhuận	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000836318	Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn	
147	2488	Trần Đình Dũng	V.07.01.03	5,0		A	1 800 000	51010000861824	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
148	1022	Hoàng Thị Hà	01003	4,0		B	1 500 000	51010000194511	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
149	1043	Lương Ngọc Minh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000306626	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
150	2322	Phạm Hoàng Nam	V.07.01.03	4,0		A	1 800 000	51010000486254	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
151	2474	Võ Đức Quang	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000858738	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
152	1084	Lê Văn Thành	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000290561	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	
153	1376	Hoàng Thị Mai	V.07.01.03	4,0		KXI	750 000	51010000234505	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	Thai sản
154	2334	Bùi Hào Quang	13095			KXI		51010000561896	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	
155	2549	Hoàng Thị Thủy	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010001238722	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	
156	2536	Nguyễn Trần Tuấn	V.07.01.03	4,0		KXI		51010001144795	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	Đi NN
157	2099	Vũ Hoàng Lân	V.07.01.03	4,0		B			Viện Sư phạm Tự nhiên	Đi NN
158	2513	Bùi Thị Quỳnh Sương	01003	4,0		B	1 500 000	51010000992593	Viện Sư phạm Tự nhiên	
159	2317	Lê Văn Vinh	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000528545	Viện Sư phạm Tự nhiên	
160	2548	Nguyễn Thị Kim Chi	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51210000696688	Viện Sư phạm Xã hội	
161	2315	Nguyễn Thị Kim Thi	V.07.01.03	4,0		B	1 500 000	51010000529131	Viện Sư phạm Xã hội	
Tổng cộng				627	0,2		210 200 000			

Bằng chữ: Hai trăm mười triệu hai trăm nghìn đồng

Nghe An, ngày 11 tháng 6 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHÒNG TCCB

PHÒNG KH-TC

DUYỆT BGH



Phạm Thị Thanh Vân



Nguyễn Anh Dũng


